

Cao Bằng, ngày 10 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng
ngành Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy Ban nhân tỉnh Cao Bằng về việc tổ chức lại Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng và Trường Trung cấp nghề Cao Bằng thành Trường Cao đẳng Cao Bằng;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh, giới thiệu việc làm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh, Trưởng phòng/khoa, Giám đốc Trung tâm thuộc trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TS-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG


Đinh Ngọc Lượng



QUY CHẾ

Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

(Ban hành theo Quyết định số 256/QĐ-CĐCB ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.
- Quy chế này áp dụng đối với Trường Cao đẳng Cao Bằng và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non của nhà trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Phạm vi tuyển sinh là ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong năm tuyển sinh.
- Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào ngành đào tạo của Trường thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là GDĐT) và đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.
- Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.
- Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.
- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên kết quả học tập hoặc kết quả thi của thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

7. Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành tuyển sinh của Trường) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

8. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

9. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

10. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GDĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

11. Cổng thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường dành cho tuyển sinh cao đẳng chính quy.

12. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo.

13. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong cơ sở đào tạo dùng để định danh một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường Cao đẳng Cao Bằng thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường Cao đẳng Cao Bằng thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo.

3. Trường Cao đẳng Cao Bằng phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Nhà trường và của toàn hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện xét tuyển.

đ) Về thực hiện cam kết: Trường Cao đẳng Cao Bằng phải thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường Cao đẳng Cao Bằng hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường Cao đẳng Cao Bằng bảo đảm cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường Cao đẳng Cao Bằng có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường Cao đẳng Cao Bằng có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

b) Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cao Bằng.

2. Điều kiện dự tuyển

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Trường Cao đẳng Cao Bằng thực hiện phương thức tuyển sinh là xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12.

2. Thí sinh sử dụng 1 trong 6 tổ hợp B03, B08, C00, C04, D01, D10 để xét tuyển vào ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non của Trường.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT; nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số).

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này}$

Điều 8. Ngưỡng đầu vào

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường Cao đẳng Cao Bằng xác định và công bố ngưỡng đầu vào trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày, cụ thể:

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức xét tuyển theo học bạ dựa vào kết quả học tập lớp 12:

- Hạnh kiểm lớp 12 xếp loại đạt từ khá trở lên.
- Học lực lớp 12 xếp loại đạt từ khá trở lên.
- Điểm trung bình của 3 môn xét tuyển không thấp hơn 6,5.

Điều 9. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường trong thời hạn được gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 3 năm.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 10. Đề án tuyển sinh

1. Hàng năm trường Cao đẳng Cao Bằng xây dựng, công bố và thực hiện đề án tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Đề án tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường Cao đẳng Cao Bằng;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường Cao đẳng Cao Bằng trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (theo Phụ lục III của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó

đợt 1 phải phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với ngành đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường Cao đẳng Cao Bằng.

3. Trường Cao đẳng Cao Bằng thông báo tuyển sinh kèm theo công bố đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 11. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy Nhà trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo phương thức: Xét tuyển theo học bạ dựa vào kết quả học tập lớp 12.

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học theo thông báo của Trường.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 12. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Điều 13. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo ngành đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển của ngành đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lặp lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào ngành đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào ngành đào tạo.

6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào ngành đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 14. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại Trường.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào ngành đào tạo, hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với ngành đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng *không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước*.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào ngành đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 16. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngành đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của Trường mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường

1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy định tại Quy chế này.

2. Thành phần của HĐTS trường gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm;

d) Các uỷ viên: Một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa, viên chức Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm liên quan đến công tác tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin.

Lưu ý: Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường.

- a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Thu hoặc uỷ quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- đ) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan trực tiếp quản lý trường.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- c) Thành lập Ban Thư ký để giúp việc cho HĐTS trường trong việc thực hiện công tác tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 18. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

- a) Trưởng ban do Uỷ viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;
- b) Các uỷ viên: Một số viên chức của Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm, khoa, phòng liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS

- a) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định của Quy chế này để thực hiện xét tuyển;
- b) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, thời gian đăng ký xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

- c) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- d) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- e) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;
- f) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển đã nộp theo quy định tại khoản 1, Điều 14 của Quy chế này;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 19. Trách nhiệm của Trường Cao đẳng Cao Bằng

1. Công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường về Quy chế tuyển sinh.
2. Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.
3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong đề án tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của Trường theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học; báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.
5. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển để được trúng tuyển tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.
2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của Trường có hành vi vi phạm Quy chế này, hiệu trưởng Nhà trường có trách nhiệm xử lý theo quy định của các văn bản pháp luật có liên quan.
3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

4. Trường vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh và những cá nhân có liên quan của Nhà trường vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan. ✍

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Ngọc Lượng

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng hệ chính quy
ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Cao Bằng)*

Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị

	trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT- BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

Phụ lục III.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM¹
(Hình thức đào tạo: ²)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo**
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh**
- 3. Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử**
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh**
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh;** đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo³** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

**II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

- 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**
- 2. Mô tả phương thức tuyển sinh⁴** (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
- 3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
- 4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ⁵	Tên ngành, nhóm ngành ⁶	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	
2.							
3.							
...							

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- Điểm cộng
- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)
- Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm ... (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm ... (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	

		xét tuyển										
1.												
2.												
3.												
...												

Cán bộ tuyển sinh

**(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ
Email)**

..., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ